

Kính gửi: Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam

Trả lời công văn số FN-RM-1204/05 ngày 17/1/2005 của Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam về vướng mắc trong việc thực hiện chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT), Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;

1. *Xác định doanh thu tính thuế GTGT đối với hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT:* Trường hợp Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam mua hàng hoá ở nước ngoài sau đó giao cho người mua là khách hàng tại nước ngoài (hàng hoá không được nhập khẩu về Việt Nam) thì doanh thu thu được từ dịch vụ này không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Vì vậy, khi xuất hoá đơn cho người mua đối với số hàng hoá này, Công ty ghi giá bán là giá không có thuế GTGT và ghi rõ hàng hoá không thuộc diện chịu thuế GTGT. Trường hợp hàng hoá dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì Công ty chỉ được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá chịu thuế GTGT. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào chi phí của hàng hoá dịch vụ không chịu thuế GTGT. Trường hợp Công ty không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ thì thuế đầu vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ (%) doanh số của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

2. *Hoá đơn thuế GTGT đầu vào:* Theo qui định tại Điểm 4, Mục IV, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003, nêu trên thì hoá đơn, chứng từ hợp pháp là hoá đơn do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành hoặc hoá đơn do cơ sở kinh doanh tự in để sử dụng theo mẫu qui định đã được cơ quan Thuế chấp nhận cho sử dụng hoặc các loại hoá đơn, chứng từ đặc thù khác được phép sử dụng. Vì vậy, trường hợp một số hoá đơn GTGT đầu vào của Công ty là các hoá đơn do các cơ sở kinh doanh tự in để sử dụng theo mẫu qui định và đã được sự chấp nhận của Tổng cục Thuế nhưng theo các mẫu này thì không thể in ngay tên, địa chỉ, phương thức thanh toán, mã số thuế người mua hàng, không ghi số tiền bằng chữ...(các tiêu thức này được ghi bằng tay sau

...hàng hoá đơn) thì cũng được coi là hợp pháp khi kê khai khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào.

3. Chứng từ hàng hoá xuất khẩu:

Trường hợp Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam ký kết các hợp đồng kinh tế với đối tác nước ngoài để xuất khẩu hàng hoá, thực tế do các điều kiện khách quan đã giao hàng trước hoặc sau thời hạn qui định của hợp đồng nhưng Công ty vẫn đáp ứng được đầy đủ các điều kiện về thủ tục, hồ sơ đối với hàng hoá xuất khẩu theo qui định tại Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 nêu trên thì được áp dụng miễn suất thuế GTGT 0%.

- Về ngôn ngữ sử dụng:

Căn cứ theo qui định tại Điều 12 Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì chữ viết trong các văn bản chính thức gửi các cơ quan Nhà nước Việt Nam được làm bằng tiếng Việt Nam hoặc bằng tiếng Việt Nam và tiếng nước ngoài thông dụng. Tuy nhiên, đối với trường hợp cụ thể của Công ty nếu các hợp đồng đều được soạn thảo theo một mẫu chuẩn (các điều khoản thương mại theo mẫu chuẩn chỉ có phần mô tả kỹ thuật là thay đổi theo từng hợp đồng) thì Công ty không phải dịch tất cả các hợp đồng ra tiếng Việt Nam nhưng phải đăng ký với cơ quan thuế nơi quản lý thuế doanh nghiệp mẫu hợp đồng bằng tiếng Anh kèm bản dịch tiếng Việt Nam để đối chiếu, có đóng dấu sao y bản chính của Công ty. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác giữa hợp đồng mẫu đã đăng ký và các bản hợp đồng sẽ xuất trình sau này. Đối với những hợp đồng đặc biệt được ký kết theo mẫu của khách hàng thì Công ty phải cung cấp bản dịch tiếng Việt Nam có đóng dấu sao y bản chính.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Cục thuế TP. Hà Nội
- Lưu: VP (HC), ĐTNN (2b)

KT/ TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG.



Phạm Văn Huyền